

Số: 36 /TTr-TSVN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần

Kính gửi:

Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động hiện hành của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết số 26 /NQ-TSVN-HĐQT ngày 26/3/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty nhằm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và tăng cường hiệu quả quản trị và hoạt động của Tổng công ty, các điểm sửa đổi, bổ sung bao gồm:

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH – 2021 (HIỆN HÀNH)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG – 2026 (SỬA ĐỔI – BỔ SUNG)	LÝ DO THAY ĐỔI
1	Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt ... 2. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó	Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt ... 2. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc,	Điều chỉnh khoản 2,3 và 6 Điều 2 Quy chế quản trị nội bộ của

	<p>tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>3. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>...</p> <p>6. VSDC: Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>	<p><i>Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng;</i></p> <p>3. “<i>Người quản lý doanh nghiệp</i>” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;</p> <p>...</p> <p>6. VSDC: Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>Tổng công ty để phù hợp với thông tin thay đổi thực tế.</p>
2	<p>Điều 17. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <i>từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành</i>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>...</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu <i>trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành</i>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 17. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <i>từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</i>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>...</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu <i>trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</i>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều chỉnh Khoản 1 và 2 Điều 17 Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty để phù hợp với Quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và khoản 2 Điều 21 Điều lệ hiện hành của Tổng công ty.</p>
3	<p>Điều 29. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>(Căn cứ quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; Điều 26</p>	<p>Điều 29. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>(Căn cứ quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; Điều 26</p>	<p>Điều chỉnh khoản 1, 2 Điều 29 Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty</p>

<p>Điều lệ Tổng công ty; Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)</p> <p>1. Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số Thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ của Tổng công ty.</p> <p>đ) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức</p>	<p>Điều lệ Tổng công ty; Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP)</p> <p>1. Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải có tối thiểu 01 thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ của Tổng công ty.</p> <p>đ) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức</p>	<p>để phù hợp với Quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 (do số lượng Thành viên HĐQT của Tổng công ty hiện tại được quy định là 05 người)</p>
---	--	--

7452
CÔNG TY
QUẢN LÝ
PHẦN MỀM
CÔNG NGHỆ
PHỔ HỒ

	<p>danh Tổng giám đốc Tổng công ty.</p>	<p>danh Tổng giám đốc Tổng công ty.</p>	
4	<p>Điều 47. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p><i>(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp)</i></p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h của Khoản 1 Điều 46 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Điều 47: Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p><i>(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp)</i></p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 46 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.</i></p>	<p>Điều chỉnh Điều 47 Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty để phù hợp với Quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022.</p>
5	<p>Điều 91. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty bao gồm 09 chương 91 điều và có hiệu lực thi hành kể từ <i>ngày 27 tháng 04 năm 2021.</i></p>	<p>Điều 91. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty bao gồm 09 chương 91 điều và có hiệu lực thi hành kể từ <i>ngày 17 tháng 4 năm 2026.</i></p>	<p>Điều chỉnh khoản 1 Điều 91 Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty để phù hợp thời gian hiệu lực của Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi bổ sung năm 2026 sau khi</p>

			được ĐHCĐ thường niên năm 2026 thông qua.
--	--	--	--

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS TCT;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.



Hoàng Ngọc Thạch

